

Bản án số: **02/2023/HS-PT**

Ngày: 09-01-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Ông Lê Việt Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng T Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm T Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 126/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2022/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện (nay là T xã) C, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993 tại Thanh Hóa; tên gọi khác: Không; HKTT: Thôn 3, xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Tổ 18, ấp 4, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình D; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1950 và bà Lê Thị L, sinh năm 1956; bị cáo có vợ Lê Thị H, sinh năm 1993 và 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa lần nào bị xử lý hành chính hoặc kết án về hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2022 đến ngày 18/8/2022 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan khác nhưng do không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng nhu cầu vay tiền nhanh, không cần làm các thủ tục vay của một số người kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ, ... trên địa bàn huyện C (nay là T xã). Từ khoảng tháng 12/2020, Nguyễn Hữu T bỏ ra 70.000.000 đồng để cho vay tiền góp với hình thức trả góp trong vòng 24 ngày hoặc 30 ngày hoặc T tiền lãi hàng ngày, việc T cho vay hầu hết không làm hợp đồng, những người vay tiền L lạc với T bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua số điện thoại 0866.464.059 và 0358.336.333.

Khi cho vay, T là người trực tiếp cho vay và T tiền vay, tiền lãi. Quá trình trả góp hoặc sau khi đã trả góp xong, nếu có nhu cầu vay tiền thì được T cho vay tiếp (đáo hạn) hoặc vay mới, số tiền có thể bằng hoặc cao hơn số tiền đã vay. Tùy theo nhu cầu và khả năng góp tiền của người vay, T đưa ra các gói vay: 5.000.000 đồng trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng; vay 5.000.000 đồng góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng; vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng; vay 1.000.000 đồng thì trả tiền lãi 01 ngày là 10.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất từ 0,667%/ngày đến 01%/ngày, tương đương 20%/tháng đến 30%/tháng, tương đương 240%/năm đến 360%/năm, gấp 12 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm.

Quá trình điều tra, xác minh, làm rõ xác định T cho 18 người vay tiền trên địa bàn huyện C (nay là T xã), cụ thể như sau:

- Bà Bùi T Ngọc N: ngày 11/3/2021 bà N vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 500.000 đồng phí vay; tổng số tiền bà N phải trả là 12.000.000 đồng. Vào các ngày 26/3, ngày 09/4, ngày 25/4, ngày 09/5 và ngày 23/5/2021, bà N 05 lần đáo hạn lại cùng số tiền vay, mức góp và 500.000 đồng phí vay/lần đáo hạn. Như vậy, bà N vay 06 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, tổng số tiền đã góp được là 65.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng; T lợi bất chính đã T được là 13.118.333 đồng.

- Ngày 13/3/2021, bà N vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày, 500.000 đồng phí vay. Tổng số tiền bà N phải trả là 12.000.000 đồng. Đến ngày 29/3/2021, bà N đáo hạn lại với số tiền vay là 15.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 750.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 750.000 đồng phí vay. Đến các ngày 14/4, ngày 28/4; ngày 12/5 và ngày 26/5/2021, bà N đáo hạn lại cùng số tiền vay là 15.000.000 đồng, mức góp và 750.000 đồng phí vay/lần đáo hạn. Riêng với số tiền đáo hạn ngày 26/5/2021, bà N đóng được 07 ngày. Như vậy, bà N vay 06 lần với tổng số tiền 85.000.000 đồng,

tổng số tiền đã góp được là 89.250.000 đồng, còn nợ lại 12.750.000 đồng; T lợi bất chính đã T được là 18.143.250 đồng;

- Ngày 25/3/2021, bà N vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 250.000 đồng phí vay. Tổng số tiền bà N phải trả là 6.000.000 đồng. Đến các ngày 12/4, ngày 29/4, ngày 16/5 và ngày 01/6/2021, bà N đáo hạn lại cùng số tiền vay, mức góp và 250.000 đồng phí vay/lần đáo hạn. Riêng đối với lần đáo hạn ngày 01/6/2021, thì bà N đóng được 02 ngày. Như vậy, bà N vay 05 lần với tổng số tiền 25.000.000 đồng, tổng số tiền đã góp được là 24.500.000 đồng, còn nợ lại 5.500.000 đồng; T lợi bất chính đã T được là 5.063.833 đồng. Bà N còn nợ lại 21.041.667 đồng.

Như vậy, tổng số tiền T lợi bất chính đã T của bà N được là 36.325.417 đồng bao gồm phí vay là 8.500.000 đồng;

- Bà Lê Kim T: Ngày 10 tháng 02 năm 2022, bà T vay 15.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày với lãi suất là 01%/ngày và 750.000 đồng phí vay. Bà T đã trả được 04 tháng 12 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 19.800.000 đồng. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T là 19.450.000 đồng. Bà T vẫn còn nợ tiền gốc;

- Ngày 15 tháng 02 năm 2022, bà T vay 10.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày với lãi suất là 01%/ngày và 500.000 đồng tiền phí vay. Bà T đã trả được 04 tháng 08 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 12.800.000 đồng. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T là 12.858.889 đồng. Bà T vẫn còn nợ tiền gốc.

- Ngày 18 tháng 4 năm 2022, bà T vay 10.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày với lãi suất là 01%/ngày và 500.000 đồng tiền phí vay. Bà T đã trả được 02 tháng 05 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 6.500.000 đồng. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được là 6.638.889 đồng. Bà T vẫn còn nợ tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền T lợi bất chính đã T được của bà T là 38.677.778 đồng bao gồm phí vay là 1.750.000 đồng. Bà T đang còn nợ tiền gốc là 35.000.000 đồng.

- Bà Cao Thị Kim L: khoảng tháng 02 năm 2022, bà L vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 750.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 750.000 đồng phí vay. Tổng số tiền bà L phải trả là 18.000.000 đồng. Sau khi góp được khoảng 15 ngày thì bà L 08 lần đáo hạn lại cùng số tiền vay, mức góp và 750.000 đồng phí vay/lần đáo hạn. Như vậy, bà L vay 09 lần với tổng số tiền 135.000.000 đồng, tổng số tiền đã góp được là 162.000.000 đồng, T lợi bất chính đã T được là 31.968.000 đồng.

- Ngày 02 tháng 6 năm 2022, bà L vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 1.000.000 đồng phí vay. Tổng số tiền bà L phải trả là 24.000.000 đồng, bà L đã góp xong. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được là 4.736.000 đồng.

Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được của bà L là 36.704.000 đồng, bao gồm phí vay là 7.750.000 đồng.

- Chị Bùi Thị B: ngày 21 tháng 02 năm 2022, chị B vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 250.000 đồng phí vay; tổng số tiền chị B phải trả là 6.000.000 đồng. Sau khi góp được khoảng 14 ngày thì chị B 09 lần đáo hạn lại cùng số tiền vay, mức góp, 250.000 đồng phí vay/lần đáo hạn. Như vậy, chị B vay 10 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền đã góp được là 60.000.000 đồng, số tiền T lợi bất chính đã T được là 11.840.000 đồng;

- Ngày 21 tháng 02 năm 2022, chị B vay 5.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày với lãi suất là 01%/ngày và 250.000 đồng phí vay. Chị B đã trả được 30 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 1.500.000 đồng, T lợi bất chính đã T được là 1.666.667 đồng. Chị B vẫn còn nợ tiền gốc;

- Ngày 21 tháng 3 năm 2022, chị B vay 12.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 600.000 đồng phí vay. Tổng số tiền chị B phải trả là 14.400.000 đồng. Sau khi góp được khoảng 14 ngày, chị B đáo hạn lại 07 lần cùng số tiền vay, mức góp và 600.000 đồng phí/lần đáo hạn. Như vậy, chị B vay 08 lần với tổng số tiền 96.000.000 đồng, tổng số tiền đã góp được là 115.200.000 đồng, số tiền T lợi bất chính đã T được là 22.732.800 đồng.

Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được chị B là 36.239.467 đồng, bao gồm phí vay là 7.550.000 đồng. Chị B vẫn còn nợ 5.000.000 đồng;

- Chị Nguyễn Thị H L: ngày 26 tháng 4 năm 2022, chị L vay 80.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất là 0,8%/ngày. Chị L đã trả được 02 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 38.400.000 đồng. Ngày 26 tháng 6 năm 2022, chị L đã trả tiền gốc cho T. Như vậy, T đã T 38.400.000 đồng của chị L, đã T lợi bất chính là 35.733.333 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Bạch V: khoảng tháng 5 năm 2022, chị V vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 500.000 đồng phí vay. Tổng số tiền chị V phải trả là 12.000.000 đồng. Sau khi góp được khoảng 14 ngày, chị V đáo hạn lại 02 lần với cùng số tiền vay, mức góp và đóng 500.000 đồng phí vay/lần đáo hạn. Như vậy, chị V vay 03 lần với tổng số tiền

30.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 36.000.000 đồng, T lợi bất chính đã T được là 7.104.000 đồng;

- Bà Nguyễn Thị N: khoảng tháng 3 năm 2022, bà N vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày, T T thêm 250.000 đồng tiền phí. Số tiền bà N phải trả là 6.250.000 đồng. Sau khi góp được khoảng 20 ngày thì bà N đáo hạn lại cùng số tiền vay, mức góp và 250.000 đồng phí vay. Bà N đã đáo hạn lại 04 lần với cùng số tiền vay, mức góp, phí vay. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, bà N không còn khả năng đóng tiền. Bà N vay 05 lần với tổng số tiền 25.000.000 đồng, tổng số tiền đã góp là 26.750.000 đồng. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T là 5.219.500 đồng. Bà N còn nợ T số tiền 3.750.000 đồng;

- Bà Vương Thị Mộng T: khoảng tháng 3 năm 2022, bà T vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 500.000 đồng tiền phí. Tổng số tiền bà T phải trả là 12.500.000 đồng, bà T đã góp xong. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được là 2.368.000 đồng;

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T: khoảng tháng 3 năm 2022, chị T vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 500.000 đồng phí vay. Tổng số tiền chị T phải trả là 12.500.000 đồng, chị T đã góp xong. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được là 2.368.000 đồng;

- Chị Võ Thị H Hạnh: khoảng cuối năm 2020, bà H vay 7.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 350.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 350.000 đồng phí vay, chị H phải trả là 8.750.000 đồng; chị H đã đóng được 06 ngày với tổng số tiền 2.100.000 đồng, số tiền T lợi bất chính đã T được là 676.900 đồng. Đến khoảng cuối tháng 12 năm 2021, chị H đề nghị góp tiền lãi theo ngày với tổng số tiền phải còn phải trả góp là 6.000.000 đồng, chị H đóng tiền lãi là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Chị H đã đóng được 180 ngày với số tiền 10.800.000 đồng. Số tiền T lợi bất chính đã T được là 10.200.000 đồng, chị Hạnh vẫn còn nợ 6.000.000 đồng tiền gốc;

- Ngày 11 tháng 6 năm 2022, chị H vay 2.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 100.000 đồng phí vay. Tổng số tiền chị Hạnh phải trả là 2.500.000 đồng. Với gói vay này, chị H đã đóng đến ngày 26 tháng 6 năm 2022 với tổng số tiền 1.600.000 đồng. Số tiền T lợi bất chính đã T được là 349.067 đồng;

- Ngày 16 tháng 6 năm 2022, chị H vay 2.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 100.000 đồng phí vay. Tổng số tiền chị H phải trả là 2.500.000 đồng. Với gói vay này, chị H đã đóng đến

ngày 26 tháng 6 năm 2022 với tổng số tiền 1.100.000 đồng; T lợi bất chính đã T được là 271.233 đồng;

- Ngày 20 tháng 6 năm 2022, chị H vay 2.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 100.000 đồng phí vay. Tổng số tiền chị H phải trả là 2.500.000 đồng. Với gói vay này, chị H đã đóng đến ngày 26 tháng 6 năm 2022 với tổng số tiền 700.000 đồng; T lợi bất chính đã T được là 208.967 đồng;

Như vậy, tổng số tiền T lợi bất chính đã T được của chị Hạnh là 11.706.167 đồng; chị H còn nợ lại 1.416.667 đồng.

- Chị Phan Thị T: ngày 10 tháng 3 năm 2022, chị T vay 20.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất là 01%/ngày. Chị T đã trả được 90 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 18.000.000 đồng. Ngày 29 tháng 6 năm 2022, chị T đã trả cho T 10.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại 10.000.000 đồng. Như vậy, bà T đã đóng cho T với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, số tiền T lợi bất chính đã T được là 17.000.000 đồng;

- Bà Lê Thị H: ngày 18 tháng 02 năm 2022, bà H vay 50.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất là 01%/ngày và 1.000.000 đồng phí vay. Bà H đã trả được 54 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 27.000.000 đồng. Ngày 12 tháng 4 năm 2022, bà H đã trả hết tiền gốc cho T. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được là 26.500.000 đồng;

- Chị Nguyễn Thị Dạ H: ngày 05 tháng 4 năm 2022, chị H vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 750.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 750.000 đồng phí vay. Tổng số tiền chị H phải trả là 18.750.000 đồng. Sau khi góp được khoảng 15 ngày thì chị H 02 lần đáo hạn lại cùng số tiền vay, mức góp, phí vay. Như vậy, chị H vay 03 lần với tổng số tiền 45.000.000 đồng, tổng số tiền đã góp được là 54.000.000 đồng;

- Ngày 01 tháng 7 năm 2022, chị H vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 1.000.000 đồng phí vay, chị H phải trả là 24.000.000 đồng. T T tiền góp 02 ngày của chị H, còn nợ lại 21.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được chị H là 12.123.000 đồng, chị còn nợ 17.500.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thanh T: khoảng tháng 3 năm 2022, bà T vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 500.000 đồng phí vay; tổng số tiền bà T phải trả là 12.000.000 đồng. Sau khi góp được khoảng 20 ngày thì bà T đáo hạn lại 04 lần với cùng số tiền vay, mức góp, phí vay.

Như vậy, bà T vay 05 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền đã góp được là 60.000.000 đồng. Số tiền T lợi bất chính đã T được là 11.840.000 đồng;

- Chị Lê Thị Thùy D: khoảng tháng 5 năm 2022, chị D vay 20.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 7.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất là 0,75%/ngày. Chị D đã trả được 30 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 4.500.000 đồng. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được là 4.166.667 đồng, chị D trả xong 20.000.000 đồng;

- Bà Lê Kim T: ngày 19 tháng 3 năm 2022, bà T vay 10.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất là 01%/ngày và 500.000 đồng phí vay; bà T đã trả được 05 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 500.000 đồng. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được là 972.222 đồng. Hiện bà T vẫn còn nợ tiền gốc;

- Ngày 22 tháng 3 năm 2022, bà T vay 15.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất là 01%/ngày và 500.000 đồng phí vay. Đến ngày 26 tháng 5 năm 2022, bà T đã trả được 66 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 16.500.000 đồng. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được là 16.333.333 đồng. Hiện bà T vẫn còn nợ tiền gốc.

Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được là 17.305.556 đồng. Hiện bà T vẫn còn nợ tiền gốc là 25.000.000 đồng;

- Chị Võ Thị Thùy U: khoảng tháng 10 năm 2021, chị U vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày và 500.000 đồng phí vay, chị U phải trả là 12.000.000 đồng. Chị U đã góp xong và T T lợi bất chính đã T được là 2.368.000 đồng.

- Khoảng tháng 11 năm 2021, chị U vay 20.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 2.000.000 đồng/tháng, lãi suất là 0,833%/ngày, chị U đã trả được 30 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, T lợi bất chính đã T được là 1.666.667 đồng.

Như vậy, tổng T lợi bất chính đã T được là 4.034.667 đồng, bao gồm 500.000 đồng phí vay. Hiện bà U vẫn còn nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Chị Võ Thị Thùy O: khoảng tháng 10 năm 2021, chị O vay 30.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 3.000.000 đồng/tháng, lãi suất là 0,833%/ngày. Chị O đã trả được 30 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 3.000.000 đồng. Như vậy, số tiền T lợi bất chính đã T được là 2.500.000 đồng. Hiện bà O vẫn còn nợ 30.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Hữu T đã 06 lần cho 18 người trên địa bàn huyện C (nay là T xã) vay 359.000.000 đồng, T lợi bất chính là 307.715.552 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu đen, số loại Sirius, biển kiểm soát 22B2-512.57 là tài sản chung của Nguyễn Hữu T và vợ là Lê Thị Hà; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám của T và số tiền 24.282.000 đồng T giữ của T; 01 điện thoại Nokia màu xanh của T sử dụng để cho vay lãi nặng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện (nay T xã) C, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

TU bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2022 đến ngày 18/8/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14/10/2022 bị cáo Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hữu T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo, giữ ngU mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu T được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản án sơ thẩm đã nêu cụ thể:

Trong thời gian từ cuối năm 2020 đến ngày 01/7/2022, lợi dụng nhu cầu vay tiền nhanh, không cần làm các thủ tục vay theo quy định pháp luật của người dân trên địa bàn huyện C (nay là T xã), Nguyễn Hữu T đã cho 18 người vay tiền với mức lãi suất từ 0,667%/ngày đến 01%/ngày, tương ứng từ 20%/tháng đến 30%/tháng, tương ứng từ 240%/năm đến 360%/năm, gấp từ 12 lần đến 18 lần mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm, với số tiền dùng để cho vay là 359.000.000 đồng, T lợi bất chính tổng số tiền 307.715.552 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo T thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, Tộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo 09 tháng tù là là có căn cứ.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa sơ thẩm đã áp dụng, xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo mà không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt theo hướng giữ nguyên mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hữu T.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện (nay T xã) C về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu T.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười T) tháng tính từ ngày tU án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình D quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Hữu T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người

được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì thời gian cho hưởng án treo được tính vào thời hạn tù. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu T không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tU án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA T xã C;
- CQTHAHS CA T xã C;
- CQĐT CA T xã C;
- CQCSĐT CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS T xã C;
- Bị cáo;
- UBND xã Trừ Văn Thố;
- Lưu: HSPA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thanh Thảo